TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VT** **TỈNH BÌNH ĐỊNH** Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST Ngày: 20/4/2023 "V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VT, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mai Đào.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ánh Chung

2. Ông Đinh Doãn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đức Thắng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VT, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Bạch Nam Chu Lai – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 25/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022, về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thúy T, sinh năm: 1984, địa chỉ: Thôn VB, xã VT1, huyện VT, tỉnh Bình Định – Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Tạ Văn Đ, sinh năm: 1976, địa chỉ: Thôn VB, xã VT1, huyện VT, tỉnh Bình Định – Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/8/2022, được bổ sung bằng lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đ có đăng ký kết hôn vào ngày 11/9/2018 tại UBND xã VT1, huyện VT, tỉnh Bình Định.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với phía gia đình bà tại thôn VB, xã VT1. Cuộc sống chỉ hạnh phúc được 01 năm đầu, đến năm 2019, vợ chồng kình cãi suốt do mâu thuẫn trong việc quản lý, chi tiêu tiền riêng, tiền chung không hài hòa. Bà cho rằng: Ông Đ đã từng ly hôn 02 lần với 02 người vợ khác nhau trước đó, nhưng đến nay vẫn không biết trân trọng hạnh phúc gia đình, ông

Đ không có trách nhiệm với vợ con, không tự giác hỗ trợ tiền để chăm lo con cái và chi phí chung trong gia đình; Mặt khác, ông Đ bịa chuyện nói bà ngoại tình, kiếm cớ gây sự để vợ chồng kình cãi. Mâu thuẫn vợ chồng tiếp diễn kéo dài, đỉnh điểm là trong năm 2021, khi cãi vã gay gắt, ông Đ đánh bà khoảng 03 lần (Dùng nhiều hành động như: Bóp cổ, đấm, đá, lên gối thúc mạnh đầu gối vào vùng ngực của bà, dùng dao hăm dọa muốn đâm chém bà). Việc vợ chồng bà mâu thuẫn, cả gia đình bà và hàng xóm đều biết, nhưng không ai khuyên được ông Đ.

Bà ức chế, không thể tiếp tục chịu đựng nên năm 2022, bà đã nộp đơn ly hôn tại Tòa án, nhưng Tòa án khuyên giải, động viên, ông Đ cũng có hứa hẹn thay đổi, nên bà đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ.

Tuy nhiên, đến nay vợ chồng vẫn không thể hòa hợp, mỗi lần gặp mặt hay liên lạc cũng chỉ chửi mắng nhau, hiện bà không còn tình cảm gì với ông Đ. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn chồng là ông Tạ Văn Đ.

Về con chung: Bà và ông Đ có 01 con chung, là cháu Tạ Đức M (sinh ngày: 07/8/2018), hiện cháu M đang sống trực tiếp với bà. Nay bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Về ý kiến giải quyết vụ án, căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà T, cho bà T được ly hôn ông Đ.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà T, giao cháu M cho bà T tiếp tục trực tiếp nuôi; Bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là quan hệ pháp luật về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn ông Đ cư trú tại huyện VT nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Bình Định theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng, đủ về thủ tục tố tụng, tạo điều kiện, đảm bảo quyền của đương sự tham gia tố tụng theo quy định. Nguyên đơn bà T chấp hành nghiêm túc, đầy đủ. Riêng bị đơn ông Đ vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông Đ đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ hợp pháp của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã niêm yết, thông báo, triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Đ tiếp tục vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Đ.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thúy T và ông Tạ Văn Đ đăng ký kết hôn vào ngày 11/9/2018 tại UBND xã VT1, huyện VT, tỉnh Bình Định – Đây là hôn nhân hợp pháp.

Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương, cho thấy: Sau khi kết hôn, cuộc sống chung ban đầu của bà T và ông Đ hạnh phúc, nhưng đến năm 2021, vợ chồng thường kình cãi vì nhiều chuyện khác nhau, có lúc gay gắt, xảy ra xô xát, phải nhờ đến sự can thiệp của địa phương. Ông Đ đi làm xa nên thường vắng nhà, nhưng mỗi khi ông Đ trở về, vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn, không thể hòa hợp.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Tòa án liên hệ, thông báo, triệu tập, hòa giải để các bên đương sự có điều kiện đoàn tụ với nhau, nhưng ông Đ không thiện chí, không hợp tác. Tại phiên tòa, bà T kiên quyết yêu cầu ly hôn ông Đ. Như vậy, có cơ sở chứng minh hôn nhân của bà T và ông Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[3]. Về con chung: Xét yêu cầu của bà T, Hội đồng xét xử xét thấy: Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu M, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giao cháu M cho bà T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời đảm bảo theo luật định về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ sau khi ly hôn đối với con chung, là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5]. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 12, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bà T phải chịu 300.000 đồng sung quỹ Nhà nước, nhưng bà T được miễn nộp tiền án phí Tòa án do thuộc diện hộ cận nghèo năm 2023.

[6]. Với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; Các Điều 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Các Điều 12, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy T đối với bị đơn ông Tạ Văn Đ, cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thúy T được ly hôn ông Tạ Văn Đ.

- Về con chung: Giao con chung của bà Nguyễn Thị Thúy T và ông Tạ Văn Đ, là cháu Tạ Đức M (sinh ngày: 07/8/2018) cho bà T được tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đ có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu M được sống chung với người trực tiếp nuôi (Bà T). Sau khi ly hôn, ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu ông Đ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của ông Đ. Vì lợi ích của con, việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thúy T không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

2. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thúy T được miễn nộp tiền án phí Tòa án do thuộc diện hộ cận nghèo năm 2023.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thúy T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ông Tạ Văn Đ không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày ông Đ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện VT;
- CCTHADS huyện VT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
  (UBND xã VT1, VT, Bình Định).
- P.KTNV và THA - TAND tỉnh Bình Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đinh Thị Mai Đào